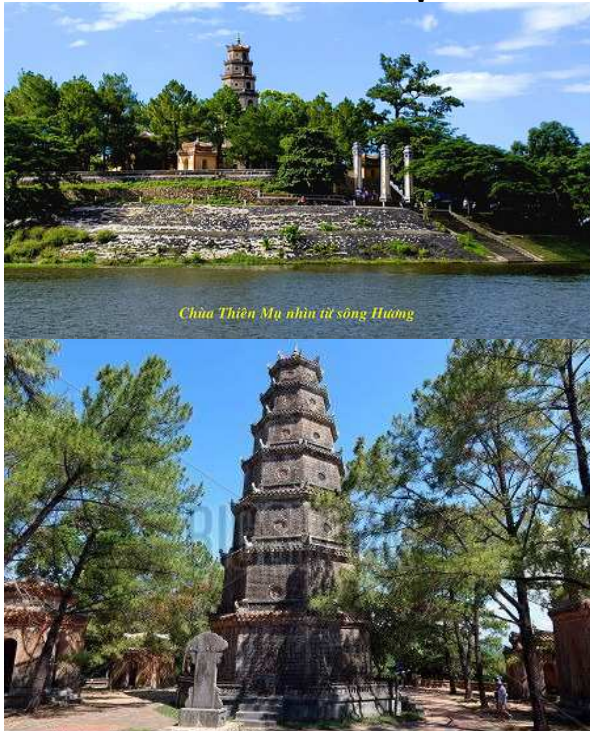


NHỮNG CỔ TỰ Ở CỔ ĐÔ HUẾ

Nguyễn Hạnh Hoàng Thị Doãn

Huế, cổ đô một thời, là thành phố nhỏ bé như vậy mà lại có nhiều chùa nhất so với các miền khác trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Bởi, nơi đây có chiều dài lịch sử lập quốc của nhà Nguyễn từ khi người đầu tiên khai mở là Nguyễn Hoàng, muốn tránh sự sát hại của người anh rể là Trịnh Kiểm nên xin đi xa vào Nam để khai khẩn đất hoang theo sự vắn kể của Nguyễn Bình Khiêm qua câu phán: “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân.” Và, Chùa Thiên Mụ danh Tự có từ đó. Đứng đầu bảng trong 10 ngôi chùa nổi tiếng tại Huế.

1- Chùa Thiên Mụ



Chùa Thiên Mụ nhìn từ sông Hương

Theo truyền thuyết khi xưa nơi đây ban đêm thường có một bà lão mặc áo đỏ, quần lục xuất hiện trên đồi, phán rằng: “Rồi đây sẽ có một vị chân chúa đến lập chùa để tụ linh khí, làm bền long mạch cho nước Nam hùng mạnh”. Quả nhiên sau này chúa Nguyễn Hoàng- Vị chúa Nguyễn đầu tiên ở Đàng Trong trên đường vào Nam trấn thủ xứ Thuận Hóa và Quảng Nam, trên đường rong ruổi Ngài bắt gặp một ngọn đồi, nhô lên bên dòng sông Hương uốn khúc, thế tựa như hình một con rồng đang quay đầu nhìn lại. Đồi có tên là Hà Khê và chùa được chúa Nguyễn Hoàng cho khởi lập chính thức vào năm 1601, đặt tên là Thiên Mụ.

Chùa Thiên Mụ được tạo dựng trên đồi Hà Khê, trên một khoảnh đất bằng phẳng hình chữ nhật, diện tích khoảng 6 mẫu, cách thành phố Huế 5km về phía tây, thuộc địa phận xã Hưng Long. Chùa được bao quanh bằng khuôn tường xây đá 2 vòng trong ngoài.

Cuối thế kỷ 18 chùa bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Sau đó vua Gia Long và vua Minh Mạng cho trùng tu và sửa sang lại đẹp hơn. Qua đời vua Thiệu Trị cho dựng thêm ngoài cửa Nghi Môn một cái tháp cao 7 tầng, mỗi tầng thờ một đức Như Lai, tầng cao nhất thờ đức Thế Tôn. Đó là tháp Phước Duyên.

Năm 1904 bão lớn ở Huế làm cho chùa bị đổ nát. Năm 1907 vua Thành Thái cho trùng tu lại. Chùa từ đó không còn to lớn như trước nữa nhưng vẫn cổ kính, trang nghiêm.

Thiên Mụ là ngôi chùa cổ nhất, kiến trúc đồ sộ nhất và cũng là ngôi chùa đẹp nhất xứ Huế. Ngày nay chùa vẫn huy hoàng tráng lệ nhờ công lao trùng tu và xây dựng lại của Trụ trì là Hòa thượng Thích Đôn Hậu.

Những năm 1943-1945 chùa lâm vào cảnh hoang tàn đổ nát, Hòa thượng đã đứng ra nhận chức Trụ trì. Bằng sự nỗ lực chưa từng có, Hòa thượng phát nguyện xây dựng lại ngôi già lam lịch sử. Trải qua hơn 30 năm tận tụy, vừa dày công vận động vừa trực tiếp chỉ đạo công cuộc đại trùng tu, chỉnh trang có kế hoạch, kiên trì thực hiện Hòa thượng đã hứng chịu bao gian nguy trước sức phá hoại của bạo lực, cho đến mùa xuân 1968, chùa đã phục hồi cảnh sắc như xưa.

Đến với Thiên Mụ, du khách không khỏi thấy lòng rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên, trước công trình đời xưa để lại với ngọn tháp hùng vĩ đứng soi mình trên dòng Hương giang duyên dáng. Nơi đây tiếng chuông chùa ngân nga vang vọng cùng với khói hương ngào ngạt, tỏa ra giữa thình không vắng lặng đã làm say đắm biết bao lòng người xứ Huế.

Chùa Thiên Mụ cùng với tiếng chuông từ bao đời đã đi vào ca dao và lòng người xứ Huế cùng bạn bè gần xa thiết tha với Huế.

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương.*

2- Chùa Túy Vân



Cách thành phố Huế khoảng 30km về phía nam, giữa đầm Cầu Hai trời nước mênh mông và biển Đông đêm ngày sóng vỗ, nổi lên một hòn đảo xanh hùng vĩ có dáng dấp như một con chim phụng đang vỗ cánh. Đó là Túy Vân Sơn. Túy Vân là một hòn núi nhỏ gần cửa Tư Hiền, ngày xưa có tên là Mĩ Am Sơn.

Vua Minh Mạng nhân dịp đến cửa Tư Hiền, vua ghé thăm Mĩ Am Sơn, thấy chùa cổ điêu tàn, hoang vu mới cho xây dựng lại và đổi tên chùa Túy Ba. Đến thời vua Thiệu Trị, được tiếp tục trùng tu và đổi lại tên chùa là Túy Vân. Các thời vua Thành Thái, Bảo Đại đều có trùng tu, bà Thái hậu Từ Dũ cũng có cúng dường để lo cho chùa.

Trên đỉnh Túy Vân, nổi bật có ngôi tháp 3 tầng là Điều Ngự Tháp. Leo qua 2 chiếc cầu thang gỗ, lên đứng ở tầng trên ta có thể nhìn thấy hết toàn cảnh huyện Phú Lộc. Giữa lưng chừng núi là chùa chính, dưới chân núi còn có một chùa lớn làm chỗ ở cho chư Tăng, ở đây cũng có đủ tượng, chuông, mõ, trước và sau chùa cây cảnh hoa lá sum sê.

Thật ít thấy nơi nào như Túy Vân, cảnh trí có sự kết hợp giữa núi, đầm và biển cả mênh mông, lại có thêm một ngôi chùa với lối kiến trúc cân đối, trang nhã, chan hòa với thiên nhiên thơ mộng làm cho Túy Vân xứng đáng trở thành 1 thắng cảnh danh tiếng. Đến thời vua Minh Mạng, chùa mới được công nhận là

Quốc Tự, Đức Tăng Thống đại Lão Hòa thượng Giác Nhiên, Hòa thượng Thích Mật Hiển cũng đã thường trú tại đây khá lâu.

Qua hai cuộc chiến tranh, Túy Vân có cái may mắn là vẫn giữ được một số Pháp khí tượng Phật, đồ thờ tự cùng tranh hoành, bia, tháp. Kiến trúc chùa và cảnh trí cơ bản vẫn còn giữ nguyên nhưng Túy Vân đang lâm vào số phận mong manh, đứng trước nguy cơ đổ nát vì thiếu sự quan tâm bảo trì. Tiếc thay!

3- Chùa Diệu Đế



Chùa nguyên là phủ của vua Thiệu Trị trước khi lên ngôi. Đây là nơi Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Tông, con vua Minh Mạng ra đời vào ngày 16/6/1807. Năm 1841, Hoàng tử lên ngôi vua ở kinh thành Huế, lấy niên hiệu là Thiệu Trị.

Chùa Diệu Đế ở ấp Xuân Lộc cũ, nay thuộc địa phận Phú Cát. Chùa được tạo lập giữa một khoảnh đất rộng hình chữ nhật, diện tích khoảng 5000 mét vuông. Khuôn viên chùa nằm giữa 4 con đường. Phía trước là đường Bạch Đằng chạy dọc theo một nhánh nhỏ của sông Hương, phía sau là đường Tô Hiến Thành, bên trái là đường mang tên chùa, bên phải là đường chùa Ông.

Vua Thiệu Trị đã cho xây dựng chùa với qui mô lớn. Kiến trúc ban đầu của chùa bao gồm Ỗ giữa là chánh điện gọi là điện Đại Giác, giữa chánh điện trên thờ Tam Thế, dưới thờ thân vị của vua, 2 án hai bên thờ Ngài Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát. Sau chánh điện có

hai nhà Tăng, mỗi nhà 3 gian. Hệ thống thành ngoài chùa Diệu Đế uy nghi, cao ráo xây bằng gạch vồ, trước có Phụng môn 3 cửa, hai bên có cổng nhỏ, ngoài bờ sông có xây bến thuyền khoảng 10 bậc cấp.

Chùa Diệu Đế không đẹp bằng chùa Thiên Mụ nhưng có vẻ độc đáo riêng. Chùa có 4 lầu, lại nằm ở vị trí giữa 2 cầu Đông Ba và cầu Gia Hội như câu ca dao

*Đông Ba Gia Hội 2 cầu,
Có chùa Diệu Đế 4 lầu 2 chuông.*

Hiện nay chùa chỉ còn chánh điện, phía sau có một nhà khách, một nhà bếp, sân trong có 4 bức tường nhỏ và một cặp Nghê nằm châu hai bên lối vào, sân trước có nhà bia, nhà chuông, ngoài cùng là cổng Tam quan 2 tầng, phía trên có lầu Hộ Pháp. Diệu Đế là ngôi Quốc tự thứ 3 ở Huế, được vua Thiệu Trị xếp hạng là một trong 20 thắng cảnh của đất thần kinh, chùa đã được rất nhiều người ở Huế cũng như ở khắp mọi miền đất nước biết đến.

4- Chùa Báo Quốc



Chùa tọa lạc trên đồi Hàm Long thuộc địa phận Phường Đức, phía đông giáp đường Điện Biên Phủ, phía tây giáp thôn Lịch Đới, phía nam giáp thôn Trường Giang, phía bắc là nhà ga Huế.

Trong khuôn viên chùa có đủ tháp mộ của các vị Tổ Sư trong đó có 3 ngôi cạnh chùa về hướng nam mới xây gần đây, kiến trúc đồ sộ, tân kỳ ở giữa là tháp Tổ, hai bên là tháp Hòa thượng Trí Thủ và Hòa thượng Thanh Trí.

Chùa do Hòa thượng Giác Phong khai sáng vào cuối thế kỷ 17. Chùa xưa có tên là Hàm Long Thiên Thọ Tự. Sau đó vua Minh Mạng lấy tên là chùa Báo Quốc. Đến thời vua Tự Đức lại cho tiếp tục trùng tu, kèo cột được đúc xi măng cốt thép giữ nguyên theo kiến trúc cổ kính.

Chùa Báo Quốc đã trở thành trung tâm đào tạo Tăng tài mãi cho đến ngày nay. Vị cao Tăng có công trong việc trùng tu tái thiết chùa Báo Quốc sau các giai đoạn khói lửa gần đây là Hòa thượng Thích Trí Thủ. Ngài vừa là Giám đốc Phật học đường vừa là Trụ trì chùa Báo Quốc.

Báo Quốc là một ngôi chùa cổ ở vị trí trung tâm thành phố được nhiều người biết đến nên rất tiện lợi cho sinh hoạt du lịch.

5- Chùa Từ Đàm



Chùa tọa lạc trên một khoảng đất cao rộng, bằng phẳng thuộc địa phận phường Trường An, cách trung tâm thành phố về phía nam.

Mặt chùa hướng đông nam, trước có núi Kim Phụng, bên phải giáp đường Điện Biên Phủ, bên trái chùa Linh Quang và nhà thờ cụ Phan Bội Châu, phía sau có chùa Thiên Minh.

Chùa có ba bộ phận quan trọng là Tam quan, chùa chính và nhà Hội. Sân chùa rộng thoáng mát, đủ chỗ để tập trung hàng ngàn người về dự lễ.

Cổng Tam quan chùa cao, rộng, có mái ngói thành nhà. Trong điện có pho tượng lớn, Đức Thích Ca Mâu Ni ngự trên tòa sen. Chùa Từ Đàm thờ đức tôn, cách bài trí và thờ tự trong điện có phần đơn giản so với các chùa khác ở Huế. Chùa Từ Đàm do Hòa thượng Minh Hoàng Tử Dung sáng lập, ban đầu chùa có tên là Ấn Tôn, sau đó qua thời vua Thiệu Trị đổi tên là chùa Từ Đàm.

Mặc dù không phải là ngôi chùa vào loại cổ nhất Việt Nam nhưng Từ Đàm đã được nhiều người ở khắp đất nước biết đến do vai trò quan trọng của nó trong cuộc chấn hưng và phát triển Phật giáo Việt Nam.

Hiện nay chùa là trụ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tỉnh Bình Trị Thiên do Hòa thượng Thích Thiện Siêu, phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN đương kim trụ trì.

6- Chùa Từ Hiếu



Chùa cách trung tâm thành phố khoảng 5 cây số về phía tây nam, thuộc địa phận xã Thủy Xuân.

Chùa tọa lạc trên một vùng đất rộng 8 mẫu xung quanh là những đồi thông tĩnh mịch bao bọc. Trước mặt chùa có khe nước uốn quanh làm cho cảnh chùa thêm phần thơ mộng và tươi mát. Mặt chùa hướng đông, đối diện có một ngọn tháp nhỏ gọi là tháp Bồ Đề. Chùa xây theo kiểu chữ khẩu, chùa chính 3 căn 2 chái, chánh điện phía trước thờ Phật, phía sau

thờ Tổ, ngoài ra còn có nhà Tăng và nhà khách.

Đến đời vua Tự Đức đã xét lại công trạng của Đức Tả quân Lê Văn Duyệt, nhà vua cho đưa vào thờ trong chùa để ngày đêm được hương khói, gần gũi với kinh kệ.

Cổng chùa xây theo kiểu vòm cuốn 2 tầng có mái, phía trên chính giữa thờ tượng Hộ pháp. Bên trong cổng Tam quan là hồ bán nguyệt thả hoa sen, hoa súng và cá cảnh. Tả hữu sân chùa có 2 lầu để bia ghi lịch sử xây dựng chùa.

Chùa ban đầu có tên là An Dưỡng Am do Hòa thượng Nhất Định dựng lên. Sau đó các ông Thái giám trong triều nghĩ đến khi nhắm mắt xuôi tay không người thờ tự hương khói đã cùng nhau góp tiền mua ruộng đất cúng vào chùa và xin nhà vua ban cấp tiền bạc, vật liệu tu sửa, xây dựng Từ Hiếu thành một ngôi chùa đồ sộ trang nghiêm.

7- Chùa Tường Vân



Từ đường Điện Biên Phủ đi lên, mới xuống hết dốc chùa Từ Đàm có con đường đất đỏ nhỏ rẽ về bên phải, đi tiếp khoảng 100m nữa là đến chùa Tường Vân.

Cổng Tam quan chùa dựng về phía bên trái, bước lên vài bậc tam cấp là đến sân chùa. Sân chùa nhỏ bố trí trang nhã, phía trước có hòn non bộ hình bán nguyệt.

Chùa xây theo kiểu chữ khẩu, chùa chính có 3 căn 2 chái. Tại mặt tường 2 chái ở vị trí ngoài góc dựng hai tấm bia đá thành ghi rõ các lần trùng tu chùa. Trong điện trước thờ Di Đà, sau thờ Tam Thế, bên trái thờ Chuẩn Đề, bên phải thờ Địa Tạng.

Sau chánh điện thờ Tổ, án giữa thờ Ngài Huệ Cảnh và Ngài Hải Toàn, án bên trái thờ các Ngài Tịnh Nhân, Viên Quang và Chánh Pháp, án bên phải thờ vua Thành Thái ở giữa, hai bên thờ Ngài Tịnh Hạnh và Tịnh Khiết.

Khởi thủy chùa chỉ là một Thảo Am, bên trái là quả đồi thấp, bên phải nhìn xa là đàn Nam Giao, phía sau là chùa Từ Hiếu. Khi xưa, nơi đây chưa có người ở, chùa nằm sâu thẳm giữa một vùng đồi núi thâm u, hiểm hóc, quanh năm chỉ có tiếng chim kêu vượn hú, thỉnh thoảng mới thấy vài người đốn củi đi về.

Tường Vân nguyên gốc là một Thảo Am ở gần chùa Từ Hiếu do Ngài Huệ Cảnh sáng lập ra. Ngài Hải Toàn có công trùng tu, khi Ngài qua đời truyền lại cho Ngài Thanh Thái trụ trì, giai đoạn này Ngài Thanh Thái xây dựng lại tiền đường. Sau Ngài Thanh Thái, các Ngài Tịnh Nhân, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết kế vị trụ trì.

Năm 1972 Ngài Tịnh Khiết mở cuộc trùng tu lớn cho nên chùa được nguy nga tráng lệ như ngày nay. Năm 1973, Hòa thượng Tịnh Khiết viên tịch, Ngài Viên Quang kế vị trụ trì rồi tiếp đến Ngài Chánh Pháp mất, mãi đến 3 năm sau, Hòa thượng Thích Minh Châu, đệ tử lỗi lạc của Ngài Tịnh Khiết mới chính thức được cử làm đương kim Trụ trì Tổ đình Tường Vân.

Tường Vân tuy không phải là ngôi chùa cổ nhất ở Huế nhưng về lãnh vực truyền bá Phật giáo, Tường Vân lại là ngôi Tổ đình danh tiếng. Ngài Tịnh Khiết Trụ trì chùa Tường Vân trong 40 năm, năm 1964 đại hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc suy tôn Ngài lên ngôi vị Đệ nhất Tăng Thống. Từ đó Ngài đã lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua nhiều chặng đường khó khăn cho đến ngày viên tịch. Hoà thượng Thích Minh Châu đệ tử Ngài Tịnh Khiết xuất gia tại Tường Vân, sau 12 năm du học Ấn Độ, năm 1963 trở về nước lập viện Đại học Vạn Hạnh. Hòa thượng Minh

Châu biết nhiều ngôn ngữ và cũng là một dịch giả nổi tiếng, đặc biệt là kinh tạng NIKAYA được Hòa thượng dịch từ tiếng Phạn ra Việt ngữ.

Minh Sư xuất Cao đồ, trong trường hợp giữa Hòa thượng Tịnh Khiết và Hòa thượng Thích Minh Châu là minh chứng cho câu nói đó.

8- Chùa Tây Thiên

Chùa tọa lạc giữa một ngọn đồi bằng phẳng, diện tích khoảng 5 mẫu, thuộc làng Dương Xuân cũ, cách trung tâm thành phố 5km về hướng nam.

Mặt chùa hướng tây nam, phía trước có chợ Cầu Lim, chùa Trúc Lâm, Chùa Hồng Ân, sau lưng chùa khoảng 500m là đàn Nam Giao, bên trái có con đường đi vào chùa Thuyền Tôn, bên phải là đường đi lên lăng Khải Định, Thiệu Trị. Chùa có qui mô lớn xây dựng giữa những rừng thông cổ, có vườn hoa, cây cảnh xanh tươi bốn mùa.



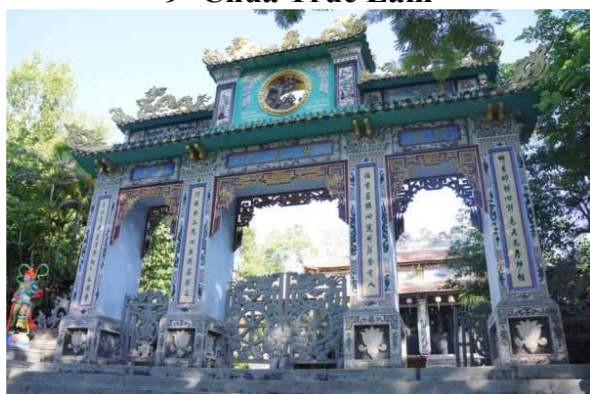
Chùa chính gồm 2 phân Chánh điện và Từ đường. Bên trong chánh điện sơn son thiếp vàng, tôn tượng Di Đà cao lớn, sáng rực. Ngoài ra còn có nhiều nhà phụ xây san sát ở đằng sau làm Tăng đường và nơi tu tịnh theo định kỳ của các Phật tử tại gia. Bên trái sân chùa dựng các bảo tháp Ngài Tâm Tịnh khai sơn chùa và bảo tháp của Hòa thượng Trụ trì Thích Giác Nguyên kế vị Ngài Tâm Tịnh đồng thời cũng là đệ tử lỗi lạc của Ngài.

Chùa do Hòa thượng Tâm Tịnh khai sáng năm 1902, ban đầu chùa cũng chỉ là một thảo am, năm 1926 vua Khải Định cấp tiền cùng với ngân khoản đóng góp của tín đồ Phật tử, chùa được xây dựng qui mô, năm 1933 vua Bảo Đại ban tâm biển đề Tây Thiên Di Đà Tự.

Trong chùa có nhiều cổ vật quý, đáng chú ý nhất là 6 bức tranh Thập bát La Hán cỡ lớn, một pho tượng Phật A Di Đà toàn thân do vua Khải Định cùng các Phật tử đóng góp tài vật, công sức để cúng chùa.

Chùa Tây Thiên là một ngôi Tổ đình có tiếng ở Huế, năm 1935 Đại học Phật giáo được thành lập ở Tây Thiên để đào tạo Tăng tài. Nhiều vị cao Tăng đã xuất thân tại đây như các Hòa thượng Giác Tiên (Trúc Lâm) Giác Nguyên (Tây Thiên) Giác Nhiên (Thuyền Tôn) Đôn Hậu (Linh Mục); các Hòa thượng trên cũng đều là đệ tử lỗi lạc của Ngài Tâm Tịnh.

9- Chùa Trúc Lâm



Từ con đường nhựa lên lăng Khải Định, qua khỏi cầu Lim rẽ về bên trái đi men theo chân đồi Dương Xuân khoảng 1km thì thấy chùa Trúc Lâm ẩn mình giữa những rặng thông xanh tốt. Chùa cách trung tâm thành phố 6km về phía nam.

Mặt chùa hướng đông nam, dưới chân đồi trước cổng chùa ngày trước có khu nước chảy,

ngày nay cải tạo thành hồ nhỏ, hè về sen mọc đầy, kết nụ đậm hoa đưa hương thơm ngát.

Chùa lập đời vua Thành Thái 1903 và trùng tu lại năm vua Bảo Đại 1931. Chùa xây theo kiểu chữ khẩu, chánh điện mặt tiền thờ Phật, mặt hậu thờ Tổ, phía sau nhà Thiên, bên phải nhà Chúng, bên trái nhà Khách, ở giữa là sân nhỏ có non bộ, phong lan cùng nhiều loại cây cảnh.

Hòa thượng Giác Tiên trụ trì chùa Trúc Lâm được 33 năm, khi Ngài viên tịch truyền lại cho Thượng tọa Mật Tín. Thượng tọa Mật Tín viên tịch năm 1938, sau đó Hòa thượng Mật Hiển trụ trì.

Trúc Lâm không phải là một ngôi chùa cổ nhất ở Huế nhưng lại là một ngôi Tổ đình danh tiếng. Tại đây năm 1931, An Nam Phật học ra đời, là cơ sở Đại học Phật giáo đầu tiên ở Huế. Nhiều vị cao Tăng có tên tuổi trong Giáo hội xuất thân từ Trúc Lâm như Hòa thượng Thích Mật Khế, Hòa thượng Thích Mật Nguyên, Hòa thượng Thích Mật Thế, Thượng tọa Thích Thiện Châu sáng lập Trúc Lâm Thiền viện ở Paris, Sư Bà Diệu Không có công lớn trong việc xây dựng Ni bộ Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển.

Tại chùa có nhiều hiện vật quý được lưu giữ trong đó có bình bát của Hòa thượng Thạch Liêm, y bát của Hòa thượng Nhất Định. Đặc biệt chùa còn giữ được bản kinh Kim Cang bằng chữ Hán tạo ra từ thời Tây Sơn, thêu bằng chỉ ngũ sắc trên nền gấm, dưới nền gấm được lót một lớp nhiều cùng cỡ.

Bản kinh thêu 7000 chữ do Sư bà Diệu Tâm đứng ra quyên góp chỉ gấm và tự tay thực hiện trong nhiều năm trời.

Cuối thời vua Khải Định bản kinh này bị thất lạc. Năm 1935, sau một thời gian tìm kiếm rất công phu, Sư bà Diệu Không đã tìm ra tại nhà một viên Đệ và chịu mua lại 250 đồng tương đương 7 lượng vàng thời đó, sau đó bản kinh được thỉnh về tại chùa Tây Thiên trong 10 năm.

Năm 1945 do tình hình di tản phức tạp, Pháp bảo này được chuyển về thờ ở chùa Trúc Lâm và được Hòa thượng Mật Hiển bảo quản cẩn mật cho đến ngày nay.

10- Chùa Trà Am



Vườn Tháp (Trần Công Nhung/ Viễn Đông)



Vị Đại sư khai sáng chùa Trà Am là Ngài Viên Thành, tên thật của Ngài là Công Tôn Hoài Tráp và Ông Nội là con trai thứ 6 của vua Gia Long.

Năm 15 tuổi, công tử Hoài Tráp xuất gia tại chùa Ba La Mật do Đại sư Viên Giác trụ trì. Năm 1900 Đại sư viên tịch, Ngài Viên Thành kế vị trụ trì, Pháp hiệu là Trùng Thông. Năm 1923 Ngài giao chùa Ba La Mật cho các thuộc đệ rồi lên núi Ngũ Phong lập một thảo am bên cạnh tháp Viên Giác Đại sư để hạnh khổ tu trì và đêm ngày hương khói gần gũi mộ tháp của Sư phụ kính yêu.

Ban đầu chùa lợp tranh, phen tre giản dị nhưng bài trí bên trong trang nhã. Nhà sư tự tìm kiếm từng hòn đá và tự tay xếp đặt bên dòng khe, dưới gốc mai cạnh khóm trúc thành những cụm giả sơn lạ mắt.

Chùa tọa lạc trên một vùng đất bằng phẳng, yên tĩnh giữa những rặng thông khóm trúc xanh ngắt có khe nước uốn khúc, róc rách quanh năm làm cho cảnh chùa thêm nên thơ, tươi mát.

Phía nam chùa là núi Thiên Thai, phía đông là Ngũ Phong Sơn, phía bắc là núi Ngự Bình.

Phong cảnh chùa thật thanh tịnh và nên thơ, vừa thích hợp với nếp sống tĩnh thân của nhà

tu hành vừa ăn nhịp với tâm hồn thi sĩ vốn yêu mến thiên nhiên.

Trà Am là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp gắn với một công trình nhân tạo tuyệt vời.

Năm 1928 Ngài Viên Thành qua đời, đệ tử của Ngài là Sư Trí Hiền lên trụ trì Trà Am và trùng tu lại chùa. Năm 1940 Sư Trí Hiền mất, giao quyền trụ trì cho đệ tử Thích Như Ý. Đến năm 1961 Thầy Như Ý trùng tu Trà Am thành một ngôi chùa uy nghi, rộng rãi.

Trải qua thời gian, những năm sau này chùa Trà Am thiếu Cao Tăng thường trú trực tiếp trông coi. Việc chỉ đạo chùa trước đây do Hòa thượng Đức Tâm trụ trì chùa Pháp Hải kiêm nhiệm, sau khi Hòa thượng Đức Tâm viên tịch, Thượng tọa Đức Phương đảm trách đương kim trụ trì chùa Trà Am.

Ngoài những chùa lớn kể trên, Huế còn có các chùa Thuyền Tôn, chùa Đông Thuyền, chùa Quốc Ân, Chùa Diệu Viên, chùa Diệu Đức, chùa Huyền Không v.v...

Chùa, một nơi chốn êm đềm đã lôi cuốn bao bước chân của khách thập phương; người thì mệt mỏi tinh thần vì cuộc đời bẽ khổ đến chùa để tìm chút tĩnh tâm, bình an cho tâm hồn; người thì đến chùa vào những ngày nghỉ để tìm một chút thanh thoi, thư giãn sau những ngày làm việc mệt nhọc, người thì đến chùa vì tín ngưỡng tâm linh của mình. Đến với chùa, mọi người đều cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái với cảnh sắc hiền hòa, không gian yên tĩnh.

Khi ra về, lòng không khỏi băng khuâng nhớ cảnh nhớ người, những vị tu hành đã âm thầm lặng lẽ hoạt động liên tục không biết mệt mỏi bên trong ngôi chùa để đem lại cho Huế những ngôi chùa đẹp không những về hình thức mà còn gắn liền với ý nghĩa cao đẹp qua những việc làm từ thiện phù hợp với Đạo và Đời.

Những ngôi chùa dù tọa lạc ở bất cứ đâu, trong nước hay hải ngoại, dù dưới ánh bình minh rực rỡ hay dưới bóng hoàng hôn bàng lảng; sự thâm nghiêm linh hồn ngời ngời của bảo Tự vẫn tỏa chiếu một năng lượng huyền nhiệm vô song; là sức mạnh vô biên, là đức tin thiêng liêng chúng sinh kỳ vọng; đi vào hồn dân tộc, vào lịch sử Phật giáo tạo ấn son sáng chói đời đời bất tử!

Nguyễn Hạnh HTD Nguồn Internet.*

Cuối tháng 2 năm 2021

